

**DIỄN ĐÀN TRAO ĐỔI**

# **CHIẾN LƯỢC “CHUỖI NGỌC TRAI” VÀ MỤC TIÊU TRỞ THÀNH CƯỜNG QUỐC BIỂN CỦA TRUNG QUỐC TRONG THẾ KỶ XXI**

**TS. TRẦN NAM TIẾN**

*Đại học KHXH và Nhân văn  
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*

“*Chuỗi ngọc trai*” (*String of Pearls*) là tên gọi chiến lược triển khai về hàng hải quân sự của Trung Quốc xuất hiện lần đầu tiên trong Báo cáo *Tương lai của năng lượng ở châu Á* do Booz Allen Hamilton viết năm 2005 theo đặt hàng của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ. Nhìn dưới góc nhìn chiến lược, thuật ngữ “Chuỗi ngọc trai”<sup>(1)</sup> mô tả sự trỗi dậy ảnh hưởng địa chính trị của Trung Quốc thông qua nỗ lực gia tăng nhằm mở rộng các mối liên hệ ngoại giao đặc biệt, và hiện đại hóa lực lượng quân sự trải dài từ vùng biển phía Nam Trung Quốc xuyên eo biển Malacca, băng qua Ấn Độ Dương tới vùng vịnh Ả Rập, xa hơn là lục địa châu Phi. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ hiện nay, sự lệ thuộc vào các nguồn cung cấp tài nguyên và năng lượng từ nước ngoài, đặc biệt là dầu mỏ và khí đốt thiên nhiên, đóng một vai trò quan trọng hình thành nên chính sách

và chiến lược phát triển của Trung Quốc. Những yêu cầu đó được xem là động lực lớn thúc đẩy sự phát triển trong quan hệ của Trung Quốc với Angola, Trung Á, Indonesia, Trung Đông, Nga, Sudan, và Venezuela nhằm đảm bảo thường xuyên con đường giao thương của Trung Quốc thông qua các khu vực trọng yếu. Trung Quốc cho rằng họ cần phải có những mối giao hảo đặc biệt như trên mới đảm bảo được sự tiếp cận năng lượng, từ đó có thể hình thành chiến lược quốc phòng và hoạch định sức mạnh trong tương lai.

Bài viết này tập trung phân tích tầm quan trọng của vấn đề năng lượng trong chiến lược phát triển của Trung Quốc hiện nay, tác động của nó đến sự hình thành chiến lược “Chuỗi ngọc trai”, cùng với mục tiêu trở thành cường quốc biển trong tương lai của Trung Quốc. Trong đó, bài viết cũng đề cập đến vị trí của Biển Đông trong chiến lược “Chuỗi ngọc

trai” nhằm lý giải những động thái hiện nay của Trung Quốc ở khu vực này.

### 1. Sự “trỗi dậy hòa bình”<sup>(2)</sup> của Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỷ XXI

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, so với các cường quốc khác, Trung Quốc được xem là một quốc gia tương đối yếu kém. Sau sự kiện Thiên An Môn (1989), Trung Quốc phải mất ba năm trị lý, chỉnh đốn, trong nội bộ lãnh đạo có tranh luận gay gắt về tốc độ, bước đi cải cách mở cửa. Trước tình hình đó, Đặng Tiểu Bình đưa ra quyết sách tiếp tục “giải phóng tư tưởng” và “đi sâu cải cách mở cửa”, đẩy mạnh chiến lược “tăng tốc”, thực hiện mục tiêu chiến lược ba bước đưa Trung Quốc trở thành cường quốc thế giới<sup>(3)</sup>. Do vậy, Trung Quốc có yêu cầu về môi trường bên ngoài hòa bình, ổn định phục vụ cho chiến lược tăng tốc phát triển kinh tế. Để tạo cơ sở cho sự phát triển mới, Trung Quốc đã đề ra chiến lược “Phát triển hòa bình” với mong muốn xây dựng một lộ trình phát triển mới nhiều tham vọng, đồng thời xây dựng một hình ảnh về đất nước Trung Quốc mới đối với cộng đồng thế giới. “Phát triển hòa bình” là một chiến lược của Trung Quốc bắt đầu vào giữa thập kỷ 1990 nhằm giúp nền kinh tế phát triển và hiện đại hóa, trong lúc làm giảm nhẹ nguy cơ các nước khác có thể nhận thức Trung Quốc là một mối hiểm họa<sup>(4)</sup>. Thực tiễn triển khai đã chứng tỏ, chính sách đối ngoại mới gắn với khẩu hiệu “Trung Quốc trỗi dậy hòa bình”, đã phần nào giúp xoa dịu sự lo ngại và làm

giảm đi ý muốn của các nước khác liên kết với nhau để đối phó với cường quốc đang trỗi dậy này”<sup>(5)</sup>.

Chính phủ Trung Quốc đã xác định 3 giai đoạn kế hoạch phát triển trong tầm 50 năm. Trong giai đoạn thứ nhất, từ 2000 đến 2010, Trung Quốc hy vọng sẽ tăng gấp đôi GDP và Trung Quốc đang trên đường đạt đến mục tiêu này. Trong giai đoạn thứ nhì, kết thúc vào năm 2020, tổng GDP tăng gấp đôi một lần nữa sao cho GDP trên cơ sở vốn trên đầu người đạt khoảng 3.000 USD. Trong giai đoạn cuối, từ 2020 đến 2050, Trung Quốc mong được đứng vào nấc thang giữa của những quốc gia tiên tiến như là một nước thịnh vượng, dân chủ và chủ nghĩa xã hội hiện đại<sup>(6)</sup>. Sau khi hoàn thành 2 kế hoạch trên, Trung Quốc sẽ tuyên bố thành công trong việc hoàn thành chiến lược “phát triển trong hòa bình”. Nhìn tổng quan, chiến lược “Phát triển trong hòa bình” của Trung Quốc sẽ được hiểu như là một hành động có trách nhiệm và không gây nguy hại cho các quốc gia khác. Tuy nhiên, người ta cũng thấy rằng đây rõ ràng là một chiến lược chuyển tiếp, trù tính cho vài thập kỷ cần thiết cho Trung Quốc trỗi dậy<sup>(7)</sup>.

Bước vào những năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc đã trở thành một nước lớn mạnh và có tham vọng toàn cầu. Với quá trình mở cửa và xây dựng hiện đại hóa, Trung Quốc đạt được thành tựu to lớn về mọi mặt. Với tốc độ tăng trưởng trung bình 9,7%. Xét tổng thể, Trung Quốc đã trở thành một trong những nước có sức

mạnh tổng hợp hàng đầu thế giới. Năm 2007, GDP của Trung Quốc đạt 3.425 tỷ USD, vươn lên đứng thứ 4 thế giới (sau Mỹ, Nhật, Đức) đóng góp 16% cho tăng trưởng toàn cầu. Dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc đạt 1.760 tỷ USD, đứng đầu thế giới; kim ngạch mậu dịch đạt 2.170 tỷ USD, đứng thứ 3 thế giới<sup>(8)</sup>. Tính đến năm 2010, theo số liệu công bố của NBS ngày 20-1-2011 cho thấy, theo tính toán sơ bộ, cả năm GDP đạt 39.798,3 tỷ Nhân dân tệ, tăng trưởng 10,3% so với năm trước, tốc độ tăng trưởng nhanh hơn 1,1% so với năm 2009<sup>(9)</sup>.

Trong những năm gần đây, cùng với đà phát triển kinh tế, Trung Quốc không ngừng tăng cường đầu tư hiện đại hóa quốc phòng, thu hẹp đáng kể khoảng cách về quân sự so với Mỹ, Nga. Trung Quốc hiện sở hữu một kho vũ khí thông thường vào loại lớn nhất thế giới, một lực lượng mạnh về tên lửa tầm xa và tầm ngắn, tên lửa mang đầu đạn hạt nhân tầm thấp, là cường quốc vũ trụ đứng thứ ba trên thế giới (sau Mỹ, Nga) và hiện đang hiện đại hoá không quân và hải quân, trong đó rất chú trọng đến hải quân<sup>(10)</sup>. Theo số liệu công bố của Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc năng lực quân sự và quốc lực tổng hợp của Trung Quốc lần lượt xếp thứ hai và thứ bảy trong bảng xếp hạng 11 nước lớn<sup>(11)</sup>. Trên thế giới, do sự phục hồi mạnh mẽ của các nước lớn mới trỗi dậy, so sánh lực lượng giữa các nước lớn đang thay đổi có lợi cho Trung Quốc, xu thế đa cực ngày càng phát triển, đan xen lợi ích

giữa các nước lớn ngày càng tăng. Từ năm 1998, Trung Quốc đã thể hiện rõ quan điểm của mình về một thế giới đa cực trong quan điểm “khái niệm mới về an ninh”, ngụ ý rằng Trung Quốc mong muốn “khoảnh khắc đơn cực” của Mỹ chấm dứt<sup>(12)</sup>. Trước thực tế này, Nga coi trọng quan hệ với Trung Quốc để tăng thế trong quan hệ với Mỹ, Ấn Độ và Nhật Bản đều chủ trương củng cố quan hệ với Trung Quốc. Mỹ tiếp tục gặp khó khăn, phải ưu tiên cho vấn đề Iraq và khu vực Trung Đông, có yêu cầu hợp tác với Trung Quốc trong nhiều vấn đề toàn cầu và khu vực.

Trước sự phát triển của Trung Quốc, các nước láng giềng càng nhận thức rõ hơn về các cơ hội cũng như thách thức đặt ra do Trung Quốc trỗi dậy, trong đó thấy rõ lợi ích trong việc phát triển quan hệ với Trung Quốc. Đây là cơ hội thuận lợi để Trung Quốc tăng cường ảnh hưởng ở khu vực láng giềng lên một tầng nấc mới cao hơn. Trung Quốc hiện nay đang tìm cách trấn an các nước láng giềng rằng sức mạnh của mình có kiểm chế và không mang tính đe dọa. Sự theo đuổi chủ nghĩa đa phương của Trung Quốc qua việc tham gia hợp tác với Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) cùng vị thế lãnh đạo của họ trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) và Hội nghị Thượng đỉnh các nước Đông Á được xem là một cam kết rõ ràng<sup>(13)</sup>. Một khía cạnh khác của chính sách đối ngoại của Trung Quốc là nỗ lực để cải thiện các quan hệ song phương với các cường quốc trên thế

giới nhằm giảm thiểu nguy cơ các nước liên kết nhau trong một mặt trận thống nhất nhằm kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc. Hiện nay, Trung Quốc đã xây dựng được nhiều ảnh hưởng ở khu vực Trung Á thông qua tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), mà các nước thành viên gồm Trung Quốc, Nga, Kazakhstan, Uzbekistan, Kyrgyzstan, và Tajikistan cùng một số nước thành viên quan sát là Ấn Độ, Pakistan, Iran và Mông Cổ<sup>(14)</sup>.

Trong thời điểm hiện tại, các nhà lãnh đạo của Trung Quốc có ba mối lo rất lớn: Sự sống còn của chế độ, tính toàn vẹn lãnh thổ, và ổn định trong nước<sup>(15)</sup>. Có thể nói, thành công trong phát triển kinh tế được nhận thức như là chìa khóa cho sự ổn định trong nước. Chính phủ Trung Quốc trong thời gian qua tập trung giải quyết các vấn đề nội bộ, và căn bản chính trị nội địa thúc đẩy các chính sách kinh tế và đối ngoại. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa sự phát triển mạnh về kinh tế ở vùng duyên hải lại không tỏ ra không tương xứng với sự phát triển chậm chạp ở vùng nội địa. Điều này dẫn đến sự bùng nổ những xung đột trong xã hội Trung Quốc gần đây, đặc biệt là những vùng xa Trung ương. Trên cơ sở đó, việc phát triển kinh tế trở thành nhiệm vụ cực kỳ quan trọng để tạo ra những hình ảnh tích cực, qua đó tạo niềm tin cho người dân trong thời kỳ phát triển mới<sup>(16)</sup>. Trong giai đoạn phát triển mới, kinh tế là sức mạnh lớn nhất và cũng là điểm yếu nhất của Trung Quốc, và do đó nó là nhân tố chi

phối trong chính sách và chiến lược của Trung Quốc hiện nay.

Nhìn chung, sự phát triển của Trung Quốc hiện nay từ bành trướng nền kinh tế và gia tăng ảnh hưởng toàn cầu cho đến sự lớn mạnh quân sự nhất thiết phải đòi hỏi về năng lượng, đưa ra những thách thức hết sức lớn lao cho cấp lãnh đạo Trung Quốc trong việc điều động khối khổng lồ vốn về cấu trúc, kỹ thuật và thay đổi xã hội<sup>(17)</sup>. Do đó, để giữ vững phát triển kinh tế, Trung Quốc phải lệ thuộc ngày càng tăng nguồn năng lượng và nguyên liệu từ nước ngoài. Từ đó, tuyến giao thương hàng hải trên biển có vai trò cực kỳ quan trọng vì hầu hết ngoại thương của Trung Quốc thông qua đường biển. Do lấy năng lượng làm nền tảng cho nền kinh tế, chính sách kinh tế của Trung Quốc tùy thuộc vào sự thành công của chính sách năng lượng<sup>(18)</sup>. Tất cả cho thấy, việc đảm bảo một tuyến giao thương hàng hải để vận chuyển năng lượng và nguyên liệu sẽ hỗ trợ chính sách năng lượng Trung Quốc và là động lực chủ yếu đằng sau “Chuỗi ngọc trai”.

## 2. Vấn đề năng lượng trong chiến lược “trỗi dậy hòa bình” của Trung Quốc

So với “những con hổ châu Á” như Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Hong Kong và Singapore vốn là những nước và lãnh thổ có tốc độ nhanh chóng trong phát triển kinh tế và công nghiệp hóa từ thập kỷ 1960 đến thập kỷ 1990, thì Trung Quốc chỉ thực sự trỗi dậy mạnh mẽ từ những năm đầu thế kỷ XXI. Tuy

nhiên, sự trỗi dậy của “Con rồng châu Á” Trung Quốc có tiềm năng bỏ xa sự phát triển của “Những con hổ châu Á”<sup>(19)</sup>. Nhiều nhà kinh tế tin rằng với khả năng còn tiềm ẩn là sự trỗi dậy nhanh chóng của tầng lớp trung lưu, Trung Quốc có tiềm năng tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong nhiều năm tới. Tuy nhiên, sự phát triển của Trung Quốc không ngừng đòi hỏi gia tăng về năng lượng nhiên liệu. Yêu cầu năng lượng chủ yếu của Trung Quốc thời điểm này lên đến 70%, và Trung Quốc hiện đang là nhà sản xuất và người tiêu thụ than lớn nhất trên thế giới<sup>(20)</sup>.

Trước đây, năm 1985, Trung Quốc là nhà xuất khẩu dầu lửa lớn nhất vùng Đông Á<sup>(21)</sup>; năm 1993, Trung Quốc trở thành nước nhập khẩu dầu thô; và trong năm 2004, Trung Quốc đã trở thành nước nhập khẩu dầu mỏ lớn thứ nhì trên thế giới<sup>(22)</sup>. Trong năm 2009, việc nhập khẩu dầu lửa của Trung Quốc đã vượt quá con số 200 triệu tấn<sup>(23)</sup>. Do đó, việc đảm bảo có được tài nguyên dầu mỏ ở nước ngoài sẽ là cần thiết vừa cho việc tiếp tục phát triển kinh tế và cho sự ổn định đất nước của Trung Quốc<sup>(24)</sup>. Hiện nay, vấn đề “năng lượng” trở thành nội dung quan trọng trong chính sách ngoại giao của Trung Quốc. Các nỗ lực ngoại giao nhằm tìm kiếm nguồn năng lượng của Trung Quốc mở rộng ra thế giới xuyên qua Trung Đông, Trung Á, châu Phi, và tới tận châu Mỹ<sup>(25)</sup>.

Theo các chỉ số cho thấy, nguồn dầu thô nhập vào Trung Quốc theo khu vực

và quốc gia, trong đó hơn 70% lượng dầu nhập khẩu của Trung Quốc đến từ Trung Đông và châu Phi, toàn bộ số này đều được vận chuyển bằng đường biển. Trong năm 2009, 8 trong số 10 nước cung cấp hàng đầu, đáp ứng 7/10 số lượng nhận khẩu năng lượng của Trung Quốc là ở châu Phi và Trung Đông<sup>(26)</sup>. Trong đó, vận tải biển từ Trung Đông và châu Phi vẫn được xem là những khu vực chủ yếu để nhập khẩu dầu mỏ hiện tại và trong tương lai của Trung Quốc. Trung Quốc đã thể hiện rõ sự cam kết lâu dài đến các quốc gia ở các khu vực này thông qua các mối giao hảo với các nhà xuất khẩu dầu ở khu vực Trung Đông và châu Phi. Ở khu vực Trung Đông, Arabia Saudi là nhà cung cấp dầu thô lớn nhất cho Trung Quốc. Gần đây, Iran cũng trở thành đối tác quan trọng của Trung Quốc ở khu vực này. Trung Quốc đã ký một thỏa thuận hợp tác dầu và khí thiên nhiên kéo dài 25 năm với Iran bắt đầu từ năm 2005, một thỏa thuận lớn chưa từng thấy, trị giá trên 70 tỉ USD<sup>(27)</sup>. Ở khu vực châu Phi, Trung Quốc đã đầu tư 3 tỉ USD để mở mang các mỏ dầu chưa khai thác hết mức ở Sudan, bao gồm 930 dặm đường ống, một xưởng lọc dầu và một cảng biển<sup>(28)</sup>.

Hiện nay, Trung Quốc còn xây dựng được các dự án năng lượng ở vùng Trung Á, cụ thể như một thỏa thuận phát triển các vùng mỏ dầu và khí ở Kazakhstan và các hợp đồng xây dựng đường ống ở Kyrgyzstan và Turkmenistan, và còn một số hệ thống khác nữa, nhưng các dự

án đều chứng tỏ chi phí cao, hậu cần khó khăn và rất phức tạp do thiếu cơ sở hạ tầng ở miền Tây Trung Quốc<sup>(29)</sup>. Trong đó, Trung Quốc lại gặp khó khăn cạnh tranh trong quan hệ với Nga trong lĩnh vực này<sup>(30)</sup>. Do đó, trong tương lai, nguồn năng lượng chính của Trung Quốc sẽ vẫn đến từ Trung Đông và châu Phi.

Do năng lượng có vai trò sống còn đối với nền kinh tế, nên chiến lược năng lượng của Trung Quốc ngày càng hướng vào quyền sở hữu và kiểm soát các nguồn cung dầu lửa ở nước ngoài, trong đó tập trung ở khu vực Trung Đông và châu Phi. Nhận thấy các thị trường năng lượng toàn cầu và các nguồn cung mở có thể bị Mỹ “thao túng”, Trung Quốc nhận định cần thực hiện chính sách “đi trước” để bảo đảm các nguồn cung năng lượng. Theo đó, Trung Quốc cung cấp tất cả các điều kiện mà các công ty dầu khí quốc doanh (NOCs) cần (dưới hình thức cho vay hoặc các hình thức hỗ trợ khác) để tiếp cận các nguồn năng lượng phục vụ nhu cầu tiêu thụ của Trung Quốc. Thực tế cho thấy, cung cấp năng lượng qua đường vận tải biển được xem là phương thức tốt nhất của Trung Quốc. Từ nhận thức trên, các nhà chiến lược Trung Quốc cho rằng việc kiểm soát đường biển là một điều kiện không thể thiếu được và là yếu tố quyết định cho sự trỗi dậy của Trung Quốc. Như vậy, đảm bảo các tuyến giao thông trên biển được xem là mục tiêu rõ ràng nhất của Trung Quốc trong việc triển khai chiến lược “Chuỗi ngọc trai”.

### 3. Trung Quốc với chiến lược “Chuỗi ngọc trai” hướng ra biển trong thế kỷ XXI

Sau một thời gian trỗi dậy mạnh mẽ, Trung Quốc tiếp tục mong muốn trở thành một cường quốc biển, từ đó tìm kiếm một vị trí tương xứng với sự phát triển hiện tại của mình. Sự phát triển hiện nay của Trung Quốc đã vượt ra khỏi lãnh thổ và khu vực truyền thống của họ. Dù thường xuyên được đầu tư, hải quân Trung Quốc hiện vẫn còn khiêm tốn và chưa có khả năng đối đầu một cách nghiêm túc với hải quân Hoa Kỳ. Nhận thức được điều này, Trung Quốc đã âm thầm thực hiện một chiến lược “Chuỗi ngọc trai” xây dựng mạng lưới các căn cứ hải quân Trung Quốc, cùng các cảng biển vệ tinh từ Biển Đông qua Ấn Độ Dương. Với chiến lược này, Trung Quốc muốn mở rộng ảnh hưởng từ đảo Hải Nam ở Biển Đông sang phía Tây qua các tuyến đường hàng hải tấp nập nhất của thế giới cho đến vịnh Persian. Mối quan tâm và ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc từ vùng Biển Đông qua Ấn Độ Dương và tiến vào vịnh Ả Rập được mô tả như một “Chuỗi ngọc trai”. Theo Sách trắng công bố năm 2008, nhiệm vụ của lực lượng hải quân Trung Quốc là “duy trì an ninh hàng hải của Trung Quốc và bảo vệ chủ quyền của họ ở các vùng lãnh hải cũng như các quyền và lợi ích hàng hải của họ”<sup>(31)</sup>.

Xét về mặt chiến lược, từng “viên ngọc trai” trong “Chuỗi ngọc trai” là một mối liên hệ đến ảnh hưởng địa chính trị hay hiện diện quân sự của Trung Quốc ở các

quốc gia từ khu vực Biển Đông đến Ấn Độ Dương. Cụ thể, đảo Hải Nam của Trung Quốc, vừa mới nâng cấp các cơ sở quân sự, là một “viên ngọc trai” quan trọng, xuất phát điểm của “Chuỗi ngọc trai”. Trong thời gian qua, Trung Quốc cho nâng cấp sân bay trên đảo Phú Lâm nằm ở vùng quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam, được xem là một “viên ngọc trai” tiếp theo. Xây dựng một cảng nước sâu tại Sittwe, Myanmar, là một “viên ngọc trai”. Một cơ sở làm container cho tàu thủy tại Chittagong (Bangladesh) cũng được xem là một “viên ngọc trai”, và cũng như thế với việc xây dựng một căn cứ hải quân tại Gwadar, Pakistan<sup>(32)</sup>. Ở các “viên ngọc trai” bên ngoài Trung Quốc, các dự án xây dựng cảng và phi trường, những cam kết ngoại giao, và đẩy mạnh hiện đại hóa tạo nên thực chất “chuỗi ngọc trai” của Trung Quốc. Các “hạt ngọc trai” nối nhau từ bờ biển lục địa Trung Quốc qua các vùng duyên hải Biển Đông, eo biển Malacca, băng ngang Ấn Độ Dương, và đi vào vùng duyên hải biển Ả rập và vịnh Persian, qua đó nối Trung Quốc với vùng Trung Đông, và xa hơn là châu Phi. Đặc biệt, trong vùng biển Ấn Độ Dương, chiến lược “Chuỗi ngọc trai” của Trung Quốc còn nhằm hướng tới kiểm chế Ấn Độ, đảm bảo an ninh năng lượng và kiểm soát các tuyến đường hàng hải quan trọng của thế giới<sup>(33)</sup>.

Hiện nay, Trung Quốc nghi ngờ Mỹ và các đồng minh bao vây Trung Quốc cùng những khu vực ảnh hưởng của

mình. Chính vì vậy, Trung Quốc cần phải bảo đảm an toàn các tuyến đường vận tải mà hiện nay đang nằm trong ưu tiên chiến lược quân sự. Các chuỗi vòng của Trung Quốc, kéo dài từ Pakistan đến Myanmar, sẽ trở thành các hành lang chiến lược tại vùng biển nổi châu Phi và Trung Đông. Để đa dạng hóa các tuyến đường vận chuyển và tránh những chỗ thắt trong chuỗi các đảo, các nguồn năng lượng sẽ có thể được vận chuyển từ Sittwe và Gwadar bằng đường bộ và đường sắt dọc theo biên giới giữa Trung Quốc với Myanmar và Pakistan để vào các tỉnh Vân Nam và Tân Cương của Trung Quốc. Một khi vị trí địa chiến lược của Trung Quốc được củng cố tại Ấn Độ Dương, chuỗi vòng ngọc tương lai sẽ có thể vươn tới tận đảo Seychelles để hướng chiến lược của Trung Quốc đến tận châu Phi. Không phải là điều ngẫu nhiên mà vào năm 2008 khi Trung Quốc thông báo ý định xây dựng một tàu sân bay nhằm đảm bảo an ninh các chuỗi đảo và tăng cường hiện diện chiến lược của hải quân Trung Quốc tại Ấn Độ Dương<sup>(34)</sup>.

Một thách thức quan trọng đối với Trung Quốc là con đường biển nối liền Trung Quốc với châu Phi và Trung Đông phải đi ngang qua eo biển Malacca, một hành lang hẹp được các nước Singapore, Malaysia và Indonesia liên kết điều hành việc thông thương. Con đường này dài hơn 800km, nằm giữa Malaysia và đảo Sumatra, với bề rộng không quá 3km trước Singapore, là một trục chủ yếu nhưng dễ bị tổn thương. Trong

trường hợp có khủng hoảng, bất kỳ ai, cũng có thể cấm vận con đường này. Hiện có đến 95% dầu sử dụng ở Trung Quốc được vận tải bằng đường biển, và 80% trong số đó phải đi ngang qua eo biển trên<sup>(35)</sup>. Do đó, Malacca nằm trong “tuyến vận tải dầu mỏ huyết mạch trên biển” của Trung Quốc, nhưng hiện nay lại là khu vực ngoài tầm kiểm soát của Trung Quốc<sup>(36)</sup>.

Với tầm quan trọng như trên, eo biển Malacca được xem là thách thức trong quá trình triển khai chiến lược “Chuỗi ngọc trai” của Trung Quốc. Để giải quyết được vấn đề này, Trung Quốc đã tăng cường mối quan hệ với Myanmar bằng cách mua khí đốt và đặt một đường ống dẫn dầu dài gần 2.500km giữa cảng Kyaukpyu, do Trung Quốc xây dựng ở cửa sông Irrawaddy, và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Với một cảng thứ hai là Thilawa giúp củng cố thêm lối ra ở Myanmar, Trung Quốc đồng thời thiết lập một trạm chấn sóng điện tử trên quần đảo Coco (Myanmar), trong vịnh Bengale<sup>(37)</sup>.

Vào tháng 11-2003, Trung Quốc ký một hiệp ước với Campuchia về việc cung cấp khí tài quân sự và huấn luyện đổi lại quyền chọn cách thức xây dựng tuyến đường sắt từ miền Nam Trung Quốc đến vịnh Thái Lan<sup>(38)</sup>. Trung Quốc cũng đưa ra một dự án đầy tham vọng 20 tỉ USD xây dựng một con kênh băng ngang vùng Kra Isthmus của Thái Lan giúp tàu bè đi tắt qua điểm thắt nút tại eo biển Malacca<sup>(39)</sup>. Đây là một dự án với quy mô tương đương dự án xây dựng

kênh đào Panama trước đây. Dự án này nếu thành hiện thực có thể lật ngược cán cân quyền lực ở châu Á theo hướng có lợi cho Trung Quốc bằng cách giúp hải quân đang mở rộng cũng như đội tàu buôn của nước này dễ tiếp cận với một dải đất trải dài từ Đông Phi tới Nhật Bản và bán đảo Triều Tiên. Trên thực tế, kế hoạch này gặp khó khăn và khó triển khai vì sự chống đối chính trị ở Indonesia, Malaysia và Singapore. Ngay bản thân vị trí lãnh đạo tại Thái Lan hay bị lung lay nên quan hệ giữa Thái Lan và Trung Quốc sẽ khó đảm bảo<sup>(40)</sup>.

Ở khu vực Ấn Độ Dương, căn cứ Gwadar của Pakistan có vị trí rất quan trọng trong chiến lược “Chuỗi ngọc trai”. Cảng Gwadar nối liền tuyến đường biển Trung Đông, vùng Vịnh với Pakistan, dầu mỏ sẽ được chuyên chở về Trung Quốc bằng đường biển cũng như đường bộ. Các tuyến đường nối Trung Quốc với Ấn Độ Dương qua Myanmar, Ấn Độ và Pakistan tạo nên sự chuyên chở thuận tiện, kinh tế cũng như tăng cường an ninh năng lượng cho Trung Quốc. Các vị trí Trung Quốc xây dựng hiện tại ở cảng Gwadar, được xem là một triển vọng “hai bên cùng có lợi” cho cả Trung Quốc lẫn Pakistan. Trong quá trình cạnh tranh Ấn Độ - Pakistan hiện nay, một cảng hiện đại tại Gwadar sẽ nâng tầm năng lực chiến lược của Pakistan dọc theo bờ biển so với Ấn Độ. Trung Quốc cung ứng phương tiện để mở mang Gwadar và lót đường cho quyền tiếp cận trong tương lai qua việc tài trợ phần lớn dự án 1,2 tỉ



USD và cung ứng chuyên viên kỹ thuật gồm hàng trăm kỹ sư. Đây được xem là những cơ sở quan trọng để quan hệ giữa Trung Quốc và Pakistan phát triển. Từ khi việc xây dựng bắt đầu năm 2002, Trung Quốc đã đầu tư gấp 4 lần so Pakistan và đóng góp một khoảng phụ trợ 200 triệu USD cho việc xây dựng một đường cao tốc nối liền Gwadar với Karachi (một đảo có vị trí chiến lược quan trọng mà Trung Quốc cũng đang nhắm tới)<sup>(41)</sup>. Cảng Gwadar tạo ra cho Trung Quốc một cơ sở chiến lược, cho phép nước này mở rộng ảnh hưởng tại khu vực Trung Đông và Trung Á. Dự án Gwadar đã nâng tầm cam kết về chiến lược, ngoại giao và kinh tế giữa Pakistan và Trung Quốc, trong đó tạo cơ sở để Trung Quốc có mặt vững chắc tại Ấn Độ Dương.

Với sự có mặt ở các “viên ngọc trai” trên, Trung Quốc đã có thể sẵn sàng bảo vệ tàu chở dầu khí về đến Trung Quốc an toàn. Tuy nhiên, yêu cầu cấp bách thứ hai của Trung Quốc còn là việc đảm bảo khả năng kiểm soát Ấn Độ Dương, trong trường hợp đụng độ với một trong những đối thủ tiềm tàng mạnh nhất là Ấn Độ. Với mục tiêu trên, Trung Quốc đã có mặt ở hai cảng biển khác trong vùng biển Ấn Độ Dương: cảng Chittagong của Bangladesh, và cảng Hambantota ở Sri Lanka. Đồng thời, Trung Quốc đang ngấm nghĩa rất gần hai quần đảo nhỏ ngoài khơi Đông Phi: các đảo quốc Maldives và Seychelles<sup>(42)</sup>. Trong đó, đảo quốc Seychelles là quốc gia có 150 hòn đảo với diện tích chỉ

450km<sup>2</sup> nhưng sở hữu vùng đặc quyền kinh tế rộng tới 1,3 triệu km<sup>2</sup>, án ngữ tuyến đường vận chuyển quốc tế trên Ấn Độ Dương. Cùng với Mauritius, Seychelles là một bộ phận của quần đảo Chagos, từng thu hút sự quan tâm đặc biệt của các cường quốc biển gồm: Bồ Đào Nha, Pháp, Anh, Mỹ, Nga và hiện nay là Trung Quốc. Đối với Trung Quốc, Seychelles có vị trí khá quan trọng trong quá trình triển khai chiến lược “Chuỗi ngọc trai” của mình. Nhận thức được tầm quan trọng của đảo quốc này, những năm gần đây Trung Quốc cũng đã tăng cường quan hệ với Seychelles. Tất cả những động thái phát triển lực lượng hải quân của Trung Quốc được phía Trung Quốc giải thích đơn giản nhất “là do nhu cầu của Trung Quốc bảo vệ các đường giao thông thương mại huyết mạch”<sup>(43)</sup>.

Tất cả những hoạt động của Trung Quốc ở khu vực Ấn Độ Dương đã khiến Chính phủ Ấn Độ khó chịu và rất lo ngại tới an ninh đất nước bị đe dọa. Quan hệ giữa hai quốc gia khổng lồ châu Á này lâu nay vốn đã không mặn mà, nhất là kể từ khi nổ ra chiến tranh biên giới năm 1962. Từ đó đến nay, tuy không xảy ra các cuộc xung đột vũ trang lớn, nhưng tại đường biên giới hai nước luôn có các vụ tranh chấp lãnh thổ của nhau gay gắt. Với việc Trung Quốc đang xây dựng các cảng nước sâu ở phía Đông và phía Tây cũng như sự vượt trội của Trung Quốc về doanh số bán vũ khí cho các nước Ấn Độ Dương, Ấn Độ lo ngại bị Trung Quốc bao vây nếu không nhanh

chóng mở rộng tầm ảnh hưởng. Trước diễn biến này Ấn Độ đang tìm cách hợp tác với các quốc gia trong khu vực để xây dựng những vành đai chống lại quá trình triển khai chiến lược “Chuỗi ngọc trai”. Các lợi ích chính trị và thương mại chồng lấn của Trung Quốc và Ấn Độ này đang thúc đẩy cạnh tranh và thậm chí là cạnh tranh quyết liệt nhiều hơn về hải quân so với trên bộ. Sự “vươn mình” ấn tượng của Trung Quốc đặt ra những mối phức tạp về thách thức và cơ hội cho Mỹ, cả trong mặt khu vực lẫn toàn cầu. Báo cáo Quốc hội năm 2005 của Ủy ban Mỹ - Trung đã ghi nhận: “Trên quy mô toàn cầu, Trung Quốc tăng cường hoạt động bảo vệ an ninh năng lượng qua những phương cách mà nó báo trước là sẽ trực tiếp cạnh tranh về tài nguyên năng lượng với Mỹ. Điều này tạo ra khả năng xung đột giữa hai quốc gia”<sup>(44)</sup>. Tất cả những phản ứng trên buộc Trung Quốc phải tính đến trong quá trình xây dựng chiến lược “Chuỗi ngọc trai” của mình.

#### 4. Biển Đông trong chiến lược “Chuỗi ngọc trai” của Trung Quốc

Nhìn từ góc độ chiến lược, chiến lược “Chuỗi ngọc trai” mà Trung Quốc đang xây dựng nhằm mở rộng ảnh hưởng từ đảo Hải Nam ở Biển Đông sang phía Tây qua các tuyến đường hàng hải tập nập nhất của thế giới cho đến vịnh Persian, qua đó đảm bảo an ninh năng lượng và kiểm soát các tuyến đường hàng hải quan trọng của thế giới.

Hoạt động ngoại giao và kinh tế của Trung Quốc hiện nay hướng về đảm bảo

thị trường cho xuất khẩu, chiếm hữu tài nguyên năng lượng và nguyên liệu, và nâng cao tầm vóc quốc tế của mình. Trung Quốc đang xây dựng chiến lược “hải dương xanh” và chuyển từ “phòng ngự biển gần”, sang phát triển theo hướng “hải quân viễn dương”. Và chính sự gia tăng phụ thuộc vào các tuyến giao thông hàng hải sẽ buộc lực lượng Hải quân Trung Quốc phải gánh những nhiệm vụ mới<sup>(45)</sup>. Do đó, những “viên ngọc trai” trở nên vô cùng quan trọng đối với chiến lược biển mới của Trung Quốc. Nếu kết nối những “viên ngọc trai” mà Trung Quốc đang xây dựng từ khu vực Biển Đông, từ các cảng trải dài từ đảo Hải Nam đến khu vực Trung Đông thì chuỗi ngọc trai giống như một vành đai bao quanh lục địa châu Á. Nếu Trung Quốc tuyên bố chủ quyền tất cả các phần lãnh thổ nói trên, quốc gia này sẽ có thể giám sát và kiểm soát các tuyến hàng hải tập nập và trọng yếu nhất để kiềm chế Nhật Bản và Hàn Quốc, ngăn chặn Mỹ tiếp cận vùng duyên hải châu Á và có thể tiếp cận trực tiếp với Thái Bình Dương. Để chiến lược “Chuỗi ngọc trai” thành công, Biển Đông được xem là chiếc chìa khóa quan trọng. Như vậy, trong chiến lược để phát triển thành “cường quốc biển”, Trung Quốc đang đòi hỏi các yêu sách trong vùng Biển Đông, và đây trở thành khu vực quan trọng trong quá trình hình thành “Chuỗi ngọc trai” của Trung Quốc.

Thực tế, Trung Quốc có những lợi ích quan trọng ở Biển Đông như: - Đường biển quan trọng vận chuyển hàng hóa

phục vụ phát triển kinh tế: số lượng dầu nhập khẩu chiếm 50% nhu cầu trong nước, trong đó 70% số dầu nhập khẩu này phải vận chuyển qua Biển Đông; - Các nguồn tài nguyên biển, trong đó quan trọng nhất là dầu khí và hải sản để phục vụ cho phát triển kinh tế<sup>(46)</sup>. Do đó, từ những năm 1990, Trung Quốc đang tìm cách mở rộng khu vực đặc quyền kinh tế tại Biển Đông, đặc biệt tại các đảo ở quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Tại Biển Đông, Trung Quốc đang tìm cách sử dụng sức mạnh hải quân để gia tăng kiểm soát không chỉ các nguồn tài nguyên dầu khí ngoài khơi mà còn kiểm soát các tuyến đường biển. Thực sự, Biển Đông còn có ý nghĩa là khu vực ảnh hưởng sống còn, và là cửa ngõ chiến lược đầu tiên để Trung Quốc đi ra thế giới. Việc các lực lượng quân sự của Trung Quốc chặn các tàu của Mỹ, thử phản ứng của Mỹ với đề nghị chia khu vực ảnh hưởng ở Thái Bình Dương, đe dọa và bắt bớ các tàu thuyền của các nước tranh chấp, xây dựng căn cứ tàu ngầm chiến lược ở Tam Á là những minh chứng rõ ràng về quan niệm của giới chính trị và quân sự Trung Quốc về tầm quan trọng của Biển Đông và tương lai của vùng biển này trong chiến lược cường quốc của Trung Quốc. Từ thực tế đó, Biển Đông từ nay thuộc các “lợi ích sống còn” của Trung Quốc<sup>(47)</sup>.

Trong những năm gần đây, Trung Quốc triển khai nhiều biện pháp để củng cố cơ sở pháp lý của các yêu sách và đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về chủ

quyền ở Biển Đông, phê phán hành vi của các quốc gia khác cùng với việc nhấn mạnh thái độ kiềm chế và hành vi tự vệ của Trung Quốc. Tiếp theo Luật Lãnh hải và Vùng tiếp giáp (1992), Luật về Vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa (1998), Trung Quốc đi thêm một bước nhằm thiết lập cơ quan quản lý hành chính đối với các quần đảo tranh chấp. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng thông qua hàng loạt văn bản pháp lý nhằm kiện toàn bộ máy nhà nước quản lý về biển, hải đảo như *Cương yếu phát triển hải dương với Tầm nhìn 2020* (tháng 6-2010), *Kế hoạch xây dựng khu kinh tế Quảng Tây, Chương trình hỗ trợ công dân sử dụng các đảo không người* (nhằm vào Trường Sa và Hoàng Sa). Trên thực tế, trong các nỗ lực nhằm khẳng định chủ quyền và quyền kiểm soát, Trung Quốc liên tục ngăn cản các hoạt động khai thác tài nguyên của các nước khác bất chấp các hoạt động đó nằm trong vùng đặc quyền kinh tế của họ<sup>(48)</sup>. Những hành động này của Trung Quốc đã tạo nên sự căng thẳng trong khu vực, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của các nước trong Biển Đông.

Để hỗ trợ các hoạt động kiểm soát và tạo dựng tiền đề cho việc kiểm soát Biển Đông trong tương lai, Trung Quốc ra sức hiện đại hóa lực lượng hải quân và không quân, củng cố và phát triển các căn cứ, cơ sở quân sự và dân sự ở vùng duyên hải và ở nhiều vị trí trong quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Năm 2008, một vệ

tinh thương mại phát hiện Trung Quốc xây dựng một căn cứ hải quân ở Tam Á trên đảo Hải Nam. Tháng 12-2007, Hải quân Trung Quốc đã đưa chiếc tàu ngầm nguyên tử 094 đầu tiên của họ về căn cứ này. Hàng không mẫu hạm hay các loại tàu khác có khả năng tung lực lượng tác chiến đi xa cũng có thể đặt bản doanh tại Tam Á<sup>(49)</sup>. Thực tế, tương quan lực lượng quân sự ở vùng Biển Đông có khả năng thay đổi một khi các công trình quân sự ở Tam Á được Trung Quốc hoàn thành. Với căn cứ này, Trung Quốc tăng cường sức mạnh để thực thi các tuyên bố chủ quyền của họ ở Biển Đông, bảo vệ các tuyến hàng hải trọng yếu qua eo biển Malacca và phát triển các khả năng hậu cần cho lực lượng hải quân triển khai ở Biển Đông. Cùng lúc đó, Trung Quốc cũng mở rộng sân bay ở đảo Phú Lâm trong quần đảo Hoàng Sa, củng cố căn cứ quân sự ở Bãi Chử Thập trong quần đảo Trường Sa với hệ thống ra-đa cảnh báo sớm, duy trì sự hiện diện liên tục tại Bãi đá ngầm Vành Khăn ngoài khơi bờ biển phía Tây Philippines<sup>(50)</sup>.

Trên mặt trận ngoại giao, Trung Quốc liên tục phản đối yêu sách của các quốc gia khác cùng với các nỗ lực nhằm đa phương hóa và quốc tế hóa tranh chấp. Bên cạnh đó, Trung Quốc đã tư liệu hóa những yêu sách biển của mình bằng việc đính kèm một bản đồ vẽ “đường đứt khúc chín đoạn” (hay đường lưỡi bò) tạo thành một chữ U bao vây toàn bộ Biển Đông<sup>(51)</sup>. Mong muốn kiểm soát Biển Đông, ngày càng trở nên rõ ràng qua nhiều tuyên bố, biện pháp, hành động có

tính áp đặt và mạnh bạo nhằm khẳng định chủ quyền pháp lý cùng khả năng kiểm soát biển trên thực tế. Như vậy, Trung Quốc từ chiến lược “ẩn mình chờ thời” nay đã chuyển sang chiến lược an ninh và đối ngoại mang tính khẳng định hơn, chủ động và quyết liệt hơn.

Xem xét kỹ những động thái của Trung Quốc ở Biển Đông từ trong những năm gần đây cho thấy việc điều chỉnh chủ động trong chiến lược biển và chính sách của Trung Quốc với tranh chấp tại Biển Đông mục tiêu là nhằm tiến tới kiểm soát toàn bộ Biển Đông, trong đó tương lai xa hơn là kiểm soát tuyến đường hàng hải quan trọng từ Biển Đông ra đến Ấn Độ Dương. Những hành động của Trung Quốc ở Biển Đông gần đây cho thấy giới lãnh đạo Trung Quốc nhìn nhận Biển Đông chủ yếu ở góc độ địa chính trị và địa chiến lược. Theo đó, Biển Đông là không gian lợi ích sống còn, là cửa ngõ để tiến xuống khu vực Đông Nam Á, và vươn xa hơn trở thành cường quốc đại dương. Có thể thấy với sức mạnh kinh tế và quân sự tăng lên nhanh chóng, Trung Quốc đang phấn đấu vươn lên trở thành một cường quốc toàn cầu, một cường quốc biển, trong đó coi Biển Đông vừa là mắt xích quan trọng trong tuyến phòng thủ hải quân chiến lược và nằm trong phạm vi ảnh hưởng sống còn của Trung Quốc, vừa là cửa ngõ chiến lược để đi ra thế giới.

Sự điều chỉnh cách tiếp cận của Trung Quốc là nguyên nhân cơ bản khiến quan hệ giữa Trung Quốc và các nước tranh chấp khác trở nên căng

thắng. Sau 5 năm ra đời, Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) giữa Trung Quốc và các nước ASEAN không đủ để ngăn tranh chấp Biển Đông ngày càng nóng và trở thành nguy cơ hiện hữu đối với hòa bình, ổn định ở khu vực và tình hữu nghị giữa các quốc gia trong khu vực. Hiện tại, Trung Quốc vẫn chưa đủ sức mạnh chính trị và quân sự để kiểm soát toàn bộ Biển Đông và không muốn căng thẳng biến thành bất ổn, xung đột quân sự. Do đó, lãnh đạo Trung Quốc luôn trấn an các nước trong khu vực và kêu gọi cần phải có hòa bình, ổn định, và hợp tác. Nghịch lý là, Trung Quốc trước hết sử dụng luận điểm “giữ đại cục” để trấn an các nước vừa và nhỏ trong khu vực, trong khi tiếp tục duy trì sự mập mờ trong chính sách an ninh biển và sử dụng nhiều chiến thuật khác nhau để giành thế chủ động và quyền kiểm soát thực tế ở Biển Đông. Chính sách mập mờ, những hành động đơn phương và mạnh bạo của Trung Quốc ở Biển Đông đã làm các nước trong khu vực thêm nghi ngờ chiến lược “phát triển hòa bình” và “ngoại giao hài hòa” của Bắc Kinh<sup>(52)</sup>. Nhiều nước ASEAN nhìn nhận an ninh Đông Nam Á và an ninh quốc gia của họ bị đe dọa trước quá trình hiện đại quân sự nhanh chóng một cách thiếu minh bạch của Trung Quốc<sup>(53)</sup>.

Trên thực tế, an ninh ở Biển Đông là một hệ thống đa tầng nấc và đa vấn đề với đa đối tượng. Ở đây, có các vấn đề tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ xảy ra giữa hai nước trong khu vực. Bên cạnh đó, cũng có các vấn đề quốc tế liên quan

đến các quốc gia bên ngoài khu vực như vấn đề an toàn và an ninh hàng hải qua các vùng biển quốc tế. Mặc dù đã có nhiều hoạt động tìm kiếm giải pháp của các bên để hướng tới giải quyết xung đột hiện nay ở Biển Đông nhưng sự căng thẳng không giảm mà ngày càng tăng. Có thể nói, việc Trung Quốc né tránh các giải pháp mang tính tích cực để giải quyết những căng thẳng ở Biển Đông đều có mục đích. Xét trên quan điểm chiến lược, việc thiếu vắng một giải pháp cho các tranh chấp tại Biển Đông sẽ cho phép Trung Quốc, là bên có sức mạnh mềm và cứng áp đảo hơn hết, có nhiều cơ hội nhất để gia tăng sự kiểm soát trên thực tế của họ và làm suy yếu vị thế của các nước khác. Mặc dù giữa ASEAN và Trung Quốc đã ký Tuyên bố chung về ứng xử của các bên ở Biển Đông song tuyên bố này đã không được thực thi trong suốt thời gian qua. Hiện tại, quan chức của các nước đang đàm phán khả năng ký kết một Bộ luật ứng xử (COC) ở Biển Đông có tính ràng buộc cao hơn.

### **5. Kết luận**

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể về kinh tế, trở thành một cường quốc thực sự đứng hàng thứ hai sau Mỹ. Bên cạnh đó, Trung Quốc phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt năng lượng trầm trọng do nhu cầu phát triển kinh tế và tiêu dùng xã hội. Sự lệ thuộc vào các nguồn nhập khẩu bên ngoài đe dọa sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Trung Quốc đã bước đầu đề ra các

biện pháp để đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia. Từ nhận thức trên, các nhà chiến lược Trung Quốc cho rằng việc kiểm soát đường biển là một điều kiện không thể thiếu được và là yếu tố quyết định cho sự trỗi dậy của Trung Quốc. Như vậy, đảm bảo các tuyến giao thông trên biển được xem là mục tiêu rõ ràng nhất của Trung Quốc trong việc triển khai chiến lược “Chuỗi ngọc trai”.

Thông qua chiến lược “Chuỗi ngọc trai”, Trung Quốc muốn mở rộng ảnh hưởng của mình từ Hải Nam, xuyên qua những tuyến đường biển nhộn nhịp nhất thế giới, hướng tới vịnh Ba Tư, mục tiêu chủ yếu là kiềm chế Ấn Độ, đảm bảo an ninh năng lượng và kiểm soát những tuyến hàng hải quan trọng. Chiến lược “Chuỗi ngọc trai” của Trung Quốc nhằm hướng đến việc gia tăng sức mạnh năng lượng, kinh tế và quân sự, và tham vọng trở thành cường quốc biển trong tương lai. Có thể nói, chính những nhu cầu bức thiết trong nước, Trung Quốc đã tạm thời bỏ qua hình ảnh “phát triển hòa bình” để lấn xuống Biển Đông một cách mạnh bạo, thậm chí đứng trên luật pháp quốc tế, vươn tầm kiểm soát đến vùng biển Ấn Độ Dương. Chiến lược “Chuỗi ngọc trai” đã thể hiện sự “trỗi dậy” mạnh mẽ của Trung Quốc và bộc lộ tham vọng to lớn của họ. Trung Quốc đã vượt qua giai đoạn “ẩn mình chờ thời” khiến cả thế giới lo ngại.

Để chiến lược “Chuỗi ngọc trai” thành công, Biển Đông được xem là chiếc chìa khóa quan trọng. Thực chất của tình

trạng căng thẳng trên Biển Đông chính là việc Trung Quốc muốn gia tăng ảnh hưởng lên khu vực, gây sức ép lên các nước ASEAN, đồng thời thăm dò phản ứng của các nước lớn: Mỹ, Nga và Ấn Độ. Trong tính toán của các nhà chiến lược Trung Quốc, Biển Đông là không gian lợi ích sống còn, là cửa ngõ để tiến xuống khu vực Đông Nam Á, và vươn xa hơn trở thành cường quốc đại dương.

Các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đều chỉ trích mạnh mẽ hành động của Trung Quốc là đi ngược lại những cam kết mà họ đã ký kết và xem thường luật pháp quốc tế. Trong bối cảnh căng thẳng hiện nay, các nước lớn, đặc biệt là Mỹ sẽ “can dự” nhiều hơn vào Biển Đông. Các nước ASEAN bắt đầu có sự liên minh trong việc chống lại quá trình bành trướng “ảnh hưởng” của Trung Quốc. Quan điểm của các nước lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc và các nước khác đều thống nhất một điểm là phải duy trì môi trường hòa bình, ổn định trên Biển Đông. Hoa Kỳ tuyên bố sẽ không đứng về phía tranh chấp nào, nhưng phải đảm bảo an ninh hàng hải, đảm bảo các hoạt động trên vùng biển quốc tế trong khu vực này.

#### CHÚ THÍCH:

(1) Xét trên thực tế, việc phát triển chiến lược “Chuỗi ngọc trai” có thể không rõ ràng là một chiến lược được Chính phủ Trung Quốc chỉ đạo.

(2) Tháng 12-2003, trong bài phát biểu tại Đại học Havard, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đã đề cập “Trung Quốc ngày nay là

một nước lớn cải cách mở cửa và trở dậy hòa bình”. Cũng trong tháng 12-2003, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào trong phát biểu tại Tọa đàm kỷ niệm 110 năm ngày sinh của Mao Trạch Đông đã nhấn mạnh “Trung Quốc phải kiên trì đường lối phát triển trở dậy hòa bình”. Tuy nhiên, trước phản ứng của dư luận quốc tế và trong nước, Trung Quốc có điều chỉnh, tránh đề cập đến khái niệm “trở dậy hòa bình” và thay bằng “phát triển hòa bình” (Xem Phạm Sao Mai, “Nội hàm chiến lược phát triển hòa bình của Trung Quốc”, Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế*, số 1 (84), 2011, tr. 63-64).

(3) Nguyễn Công Minh, “Một số nét về chính sách ngoại giao láng giềng mới của Trung Quốc”, Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế*, số 3 (74), 2008, tr. 31.

(4) Avery Goldstein, *Rising to the Challenge: China's Grand Strategy and International Security*, Stanford, CA: Stanford University Press, 2005, pp. 12-13.

(5) Joseph S. Nye, “The Rise of China's Soft Power”, *Wall Street Journal*, December 29, 2005.

(6) Cheng Bijian, “China's ‘Peaceful Rise’ to Great Power Status”, *Foreign Affairs*, September/October 2005, pp. 23-24.

(7) Xem thêm Christopher J. Pehrson, *String of Pearls: Meeting the Challenge of China's Rising Power across the Asian Littoral*, Strategic Studies Institute, U.S. Army College, July 2006.

(8) Theo Nguyễn Công Minh, Tài liệu đã dẫn, tr. 36.

(9) Thu Hiền - Thùy Liên, “Tình hình kinh tế Trung Quốc năm 2010 (04/03/2011)”.

(10) Năm 2009, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo tuyên bố sẽ hiện đại hóa quân đội Trung Quốc trên mọi lĩnh vực, trong đó có nhấn mạnh đến lực lượng Hải quân. Hải

quân Trung Quốc được xây dựng theo 3 nguyên tắc: tàu lớn, vũ khí mạnh và có căn cứ; một đội thương thuyền hùng hậu; và một hệ thống quốc gia lệ thuộc hay đồng minh, với phương châm 9 chữ: “Giữ gần bờ, tranh biển gần, ra đại dương (Bảo cận ngạn, tranh cận hải, xuất viễn dương)”. Dẫn theo Nguyễn Ngọc Trường, “Mỹ-Trung: Cộng sinh và đối kháng”.

(11) Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc, Sách vàng thực lực quân sự Trung Quốc. .

(12) *China's Position Paper on the New Security Concept*, Ministry of Foreign Affairs of the People's Republic of China, July 31, 2002.

(13) Avery Goldstein, *Rising to the Challenge: China's Grand Strategy and International Security*, Sdd, pp. 121-123.

(14) “SCO: A New Power Center Developing”, *Strategic Forecasting*, October 28, 2005.

(15) Robert G. Sutter, *China's Rise in Asia*, Lanham, MD: Rowman and Littlefeld, 2005, p. 64.

(16) Cheng Bijian, Tài liệu đã dẫn, pp. 18-19.

(17) Christopher J. Pehrson, Tài liệu đã dẫn.

(18) *U.S.-China Economic and Security Review Commission*, 2005 Report to Congress, Washington, DC: U.S. Government Printing Office, 2005, p. 166.

(19) Cheng Bijian, Tài liệu đã dẫn, p. 166.

(20) *U.S.-China Economic and Security Review Commission*, 2004 Report to Congress, Washington, DC: U.S. Government Printing Office, 2004, p. 154.

(21) David Zweig - Bi Jianhai, “China's Global Hunt for Energy”, *Foreign Affairs*, September/October 2005, p. 25.

(22) Jonathan E. Sinton, et al., *Evaluation of China's Energy Strategy*

*Options*, Berkeley, CA: China Energy Group, Lawrence Berkeley National Laboratory, May 2005, p. 13.

(23) Thông tấn xã Việt Nam, *Trung Quốc: Những xu hướng hiện đại hóa hải quân*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 12-6-2011, tr. 5.

(24) David Zweig - Bi Jianhai, Tài liệu đã dẫn, pp. 25-26.

(25) 2005 Report to Congress, p. 164.

(26) Thông tấn xã Việt Nam, Tài liệu đã dẫn, tr. 5.

(27) Xem Mahnaz Zahirinejad - Vrushal Ghoble, “Energy Factor in China-Iran Relations”, *Journal of Peace Studies*, Vol. 17, Issue 2 & 3, April-September, 2010.

(28) 2005 Report to Congress, p. 168.

(29) Robert G. Sutter, Tài liệu đã dẫn, p. 250.

(30) David Zweig - Bi Jianhai, Tài liệu đã dẫn, p. 29.

(31) Thông tấn xã Việt Nam, Tài liệu đã dẫn, tr. 2.

(32) “U.S. Is Threatened By ‘Aggressive Chinese Sea’ Power”, *Al Jazeera*, September 14, 2005.

(33) Xem Micheal Mazza, “China and the Lost Pearls” .

(34) Robert D. Kaplan, “Center Stage for the 21<sup>st</sup> Century- Power Plays in the Indian Ocean”, *Foreign Affairs*, March/April 2009.

(35) Liu Jiangping - Feng Xianhui, “Going Global: Dialogue Spanning 600 Years”, *Beijing Liaowang in Chinese*, July 11, 2005, pp. 14-15; Nayan Chandra, “Crouching Tiger, Swimming Dragon”, *New York Times*, April 11, 2005, p. A19.

(36) Liu Jiangping - Feng Xianhui, Tài liệu đã dẫn, p. 16.

(37) Jean Guisnel, “Bases navales: Le ‘collier de perles chinois’” .

(38) Bruce Vaughn, *China-Southeast Asia Relations: Trends, Issues, and Implications for the United States*, CRS Report for Congress, February 8, 2005, p. 24.

(39) “String of Pearls: Military Plan to Protect China’s Oil”, *Agence France Presse* (AFP), January 18, 2005.

(40) Xem Christopher J. Pehrson, Tài liệu đã dẫn.

(41) Sudha Ramachandran, “China’s Pearl in Pakistan’s Water,” *Asia Times Online*, March 17, 2005 .

(42) Jean Guisnel, Tài liệu đã dẫn.

(43) Thông tấn xã Việt Nam, Tài liệu đã dẫn, tr. 6.

(44) 2005 Report to Congress, p. 171.

(45) Thông tấn xã Việt Nam, Tài liệu đã dẫn, tr. 2.

(46) Đỗ Thanh Hải - Nguyễn Thùy Linh, “Chính sách của Trung Quốc đối với tranh chấp Biển Đông từ năm 2007 đến nay”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 3 (84), 2011, tr. 91.

(47) Gần đây, chính trị của Trung Quốc “đánh tiếng” trong việc nâng cấp Biển Đông trở thành khu vực “lợi ích cốt lõi”. Theo tin tức báo chí quốc tế, Trung Quốc lần đầu tiên coi vấn đề Biển Đông thuộc “lợi ích cốt lõi” trong chuyến thăm Trung Quốc của Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Steinberge vào tháng 3-2010. Tuy từ đó đến nay, chưa thấy lãnh đạo Trung Quốc có phát biểu công khai nói Biển Đông là “lợi ích cốt lõi”, nhưng khi báo chí trong và ngoài Trung Quốc rầm rộ đưa tin, các kênh nhà nước của Trung Quốc cũng không có phản đối hay đính chính chính thức.

(48) Đỗ Thanh Hải - Nguyễn Thùy Linh, Tài liệu đã dẫn, tr. 77.

(49) “Căn cứ hải quân Tam Á: Chủ bài trong chiến lược khống chế Biển Đông”, RFI, ngày 15-9-2008.



(50) Xem Carlyle A. Thayer, “The United States and Chinese Assertiveness in the South China Sea”, *Security Challenge*, Vol. 6, No. 2, 2010, p. 73.

(51) Ngày 7-5-2009, Trung Quốc đã công khai bản đồ *đường lưỡi bò* kèm theo công hàm phản đối báo cáo của Việt Nam và Malaysia. Thực chất, *đường lưỡi bò* chính thức xuất hiện lần đầu tiên trên một bản đồ do chính quyền Cộng hòa Trung Hoa xuất bản vào tháng 2-1948, được thể hiện là một đường đứt khúc gồm có 11 đoạn, bao trùm xung quanh cả bốn nhóm quần đảo, bãi ngầm lớn trên Biển Đông. Đến năm 1953, *đường lưỡi bò* bị bỏ hai đoạn đứt khúc, nằm giữa đảo Hải Nam và bờ biển Việt Nam trong vịnh Bắc Bộ, một đoạn nằm giữa Đài Loan và các đảo Lưu Cầu (Ryu Kyu) của Nhật Bản. Từ thời điểm này, *đường lưỡi bò* chỉ còn 9 đoạn. Trên thực tế, yêu sách *đường lưỡi bò* của Trung Quốc là phi lý. *Đường lưỡi bò* không chỉ bị Việt Nam mà ngay cả Malaysia, Indonesia, Philippines... phản đối vì sự phi lý và thiếu cơ sở của nó. Ngay khi nó xuất hiện, ngày 8-5-2009, Việt Nam và Malaysia cùng gửi công hàm phản đối lại. Ngày 8-7-2010, Indonesia gửi công hàm lên Liên Hợp Quốc, trong đó nói rõ *đường lưỡi bò* không có cơ sở nào trong luật pháp quốc tế. Ngày 5-4-2011, Philippines cũng gửi công hàm lên Liên Hợp Quốc phản đối *đường lưỡi bò*. Tất cả những hành động này cho thấy, cộng đồng quốc tế không bao giờ chấp nhận yêu sách *đường lưỡi bò* vốn chiếm đến 80% diện tích Biển Đông do Trung Quốc đưa ra.

(52) Evam A. Feigenbaum, “China’s rise and the Contested Commons”, *CRF*, August 13, 2010.

(53) Daljit Singh, “South China Sea tensions hurt Southeast Asian Security”, *Strait Times*, 16 August 2010.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Avery Goldstein, *Rising to the Challenge: China’s Grand Strategy and International Security*, Stanford, CA: Stanford University Press, 2005.
2. Bruce Vaughn, *China-Southeast Asia Relations: Trends, Issues, and Implications for the United States*, CRS Report for Congress, February 8, 2005.
3. Christopher J. Pehrson, *String of Pearls: Meeting the Challenge of China’s Rising Power across the Asian Littoral*, Strategic Studies Institute, U.S. Army College, July 2006.
4. Đỗ Thanh Hải - Nguyễn Thùy Linh, “Chính sách của Trung Quốc đối với tranh chấp Biển Đông từ năm 2007 đến nay”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 3 (84), 2011.
5. Jonathan E. Sinton, et al., *Evaluation of China’s Energy Strategy Options*, Berkeley, CA: China Energy Group, Lawrence Berkeley National Laboratory, May 2005.
6. Joseph S. Nye, “The Rise of China’s Soft Power”, *Wall Street Journal*, December 29, 2005.
7. Nguyễn Công Minh, “Một số nét về chính sách ngoại giao láng giềng mới của Trung Quốc”, Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế*, số 3 (74), 2008.
8. Phạm Sao Mai, “Nội hàm chiến lược phát triển hòa bình của Trung Quốc”, Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế*, số 1 (84), 2011.
9. Robert D. Kaplan, “Center Stage for the 21<sup>st</sup> Century- Power Plays in the Indian Ocean”, *Foreign Affairs*, March/April 2009.
10. Robert G. Sutter, *China’s Rise in Asia*, Lanham, MD: Rowman and Littlefield, 2005.

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh  
10-12 Đinh Tiên Hoàng, quận 1, TP.  
Hồ Chí Minh  
ĐT: 0903855509  
Email:

**Địa chỉ liên lạc:**

**TS. Trần Nam Tiến**  
Khoa Quan hệ Quốc tế,  
Trường Đại học Khoa học Xã hội và  
Nhân văn,